

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII

Khu CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rớ II, Xã Phước Đồng, Tp. Nha Trang, T. Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hoài Anh

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulco Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulco Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 012503/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 01 năm 2018, từ trang 6 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế**

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.540.445.851	7.860.485.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.903.701.182	3.460.205.642
1. Tiền	111	V.1	6.903.701.182	3.460.205.642
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		276.380.514	3.876.986.326
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	257.077.706	3.869.054.716
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	4.302.808	7.931.610
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		360.364.155	523.293.840
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	116.530.301	196.469.465
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.5a	243.833.854	326.824.375
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.699.460.148	19.021.335.264
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		17.365.098.263	18.641.505.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	17.365.098.263	18.641.505.843
- Nguyên giá	222		21.783.332.593	21.783.332.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.418.234.330)	(3.141.826.750)
III. Tài sản dài hạn khác	260		331.361.885	376.829.421
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	331.361.885	376.829.421
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.239.905.999	26.881.821.072

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.305.922.964	5.961.023.022
I. Nợ ngắn hạn	310		4.305.922.964	5.961.023.022
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		40.202.120	177.113.076
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		26.457.004	25.798.401
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.5b	346.690.538	1.560.721.409
4. Phải trả người lao động	314		2.064.538.061	1.999.115.021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		27.272.727	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.010	40.614.321
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.800.757.504	2.157.660.794
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.933.983.035	20.920.798.050
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.7	20.933.983.035	20.920.798.050
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		20.860.244.081	20.860.244.081
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		73.738.954	60.553.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.239.905.999	26.881.821.072

Trần Thị Phương Thảo
 Người lập

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Trần Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.823.519.227	14.974.687.176
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	14.823.519.227	14.974.687.176
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.211.192.788	8.853.076.977
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.612.326.439	6.121.610.199
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	209.324.591	134.860.482
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	4.923.245.658	4.879.649.896
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		898.405.372	1.376.820.785
8. Thu nhập khác	31	VI.5	182.621	141.636.364
9. Chi phí khác	32	VI.6	1.082	4.204.437
10. Lợi nhuận khác	40		181.539	137.431.927
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		898.586.911	1.514.252.712
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	185.401.926	303.173.342
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		713.184.985	1.211.079.370

Trần Thị Phương Thảo
Người lập

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	898.586.911	1.514.252.712
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.276.407.580	1.153.632.050
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(209.324.591)	(265.488.146)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.965.669.900	2.402.396.616
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	3.683.596.333	(1.003.585.987)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(1.439.413.523)	413.316.843
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	125.406.700	(211.543.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.185.171)	(129.931.009)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	6.320.402
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.056.903.290)	(1.397.097.291)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.234.170.949	79.875.907
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.450.091.491)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	139.090.909
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	209.324.591	126.397.237
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	209.324.591	(1.184.603.345)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.443.495.540	(1.104.727.438)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.460.205.642	4.564.933.080
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.903.701.182	3.460.205.642

Trần Thị Phương Thảo
 Người lập

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Trần Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Anh
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Hoa Tiêu Hàng hải Khu vực VIII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200767748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 03 ngày 02 tháng 04 năm 2016.

Công ty có tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài: THE EIGHTH ZONE MARITIME PILOTAGE SINGER - MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY.

Trụ sở chính của Công ty tại CL8 Đại Lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rớ II, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 32 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 31 người).

Vốn điều lệ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 04 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 22.286.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ hai trăm tám mươi sáu triệu đồng). Số vốn thực góp tính đến thời điểm kiểm toán là 20.860.244.081 đồng.

Chủ sở hữu Công ty

Toàn bộ vốn điều lệ của Công ty được góp bởi Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam. Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam hoạt động theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500101379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 07 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao thuộc địa phận hai tỉnh Khánh Hòa và Ninh Thuận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Cung ứng dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng trong các vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc tuyến dẫn tàu được giao; đại lý tàu biển và dịch vụ hàng hải; kinh doanh dịch vụ tàu lai;
- Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê phương tiện và tài sản;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Thời gian phân bổ từ 12 đến 24 tháng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận và tập hợp theo toàn bộ chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ khác phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	171.312.729	6.685.565
Tiền gửi ngân hàng	6.732.388.453	3.453.520.077
Cộng	6.903.701.182	3.460.205.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	-	3.540.506.853
Navig 8 Chemicals Pool Inc	29.562.759	-
Gulf Crystal Shipping Limited, Bahamas	29.451.197	-
Kawasaki Kisen Kaisha, Ltd	27.681.413	-
Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng	27.500.000	209.000.000
Công ty TNHH TM và dịch vụ hàng hải Toàn Cầu	-	110.461.863
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	142.882.337	9.086.000
Cộng	257.077.706	3.869.054.716
b. Phải thu khách hàng ngắn hạn các bên liên quan		
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	-	3.540.506.853
Cộng	-	3.540.506.853

3. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu ngắn hạn khác	4.302.808	7.931.610
Cộng	4.302.808	7.931.610
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
Cộng	3.000.000	3.000.000

4. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí mua bảo hiểm	105.481.600	166.697.735
- Nhiên liệu xuất dùng	11.048.701	29.771.730
Cộng	116.530.301	196.469.465
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí mua bảo hiểm	56.083.757	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	275.278.128	376.829.421
Cộng	331.361.885	376.829.421

CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VIII
 Khu CL8 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Hòn Rớ II, Xã Phước Đồng
 Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	20.860.244.081	-	-	20.860.244.081
Lợi nhuận trong năm	-	-	1.211.079.370	1.211.079.370
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.150.525.401)	(1.150.525.401)
Trích quỹ trong năm	-	60.553.969	(60.553.969)	-
Số dư tại ngày 31/12/2016	20.860.244.081	60.553.969	-	20.920.798.050
Lợi nhuận trong năm	-	-	713.184.985	713.184.985
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	13.184.985	(13.184.985)	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	20.860.244.081	73.738.954	-	20.933.983.035

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	20.860.244.081	20.860.244.081
	20.860.244.081	20.860.244.081

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên số 4200767748 thay đổi lần thứ 03 ngày 04 tháng 06 năm 2016, vốn điều lệ là 22.286.000.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, tổng số vốn chủ sở hữu thực góp là 20.860.244.081 đồng. Công ty chưa góp đủ vốn điều lệ theo quy định tại Luật doanh nghiệp năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.823.519.227	14.974.687.176
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu dịch vụ hoa tiêu	12.443.603.555	14.304.187.176
- Doanh thu dịch vụ cho thuê phương tiện và hoa tiêu	2.379.915.672	670.500.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.823.519.227	14.974.687.176

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn dịch vụ hoa tiêu	8.716.948.044	8.853.076.977
Giá vốn dịch vụ cho thuê phương tiện và hoa tiêu	494.244.744	-
Cộng	9.211.192.788	8.853.076.977

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	209.324.591	134.860.482
Cộng	209.324.591	134.860.482

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.205.467.230	2.718.910.626
Chi phí đồ dùng văn phòng	185.072.769	163.106.739
Chi phí khấu hao TSCĐ	327.722.080	329.874.186
Thuế, phí và lệ phí	15.086.502	13.407.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.412.727	123.994.058
Chi phí bằng tiền khác	1.101.484.350	1.530.356.945
Cộng	4.923.245.658	4.879.649.896

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty trong năm 2017:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tổng Thu nhập</u>
Vũ Hoài Nam	Chủ tịch	486.250.502
Nguyễn Hoài Anh	Giám đốc	539.633.841
Nguyễn Thành Thái	Phó Giám đốc	467.172.260
Cộng		<u>1.493.056.603</u>

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Nha Trang.

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, cụ thể như sau:

<u>Khoản mục</u>	<u>Số đã báo cáo VND</u>	<u>Phân loại lại VND</u>	<u>Số sau phân loại VND</u>
Phải thu dài hạn của khách hàng	820.100.484	(820.100.484)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	820.100.484	820.100.484



Handwritten signatures in blue ink of the three individuals listed below.

Nguyễn Hoài Anh
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2018

Trần Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Trần Thị Phương Thảo
Người lập